TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2023
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Linh Sơn.

2. Bà Nguyễn Thị Chinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Lành – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 180/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Trọng T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số nhà 11, đường N, Tổ dân phố 2, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thuý N, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Số nhà 114, Tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông Lê Trọng T có mặt, Bà Nguyễn Thuý N vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn Ông Lê Trọng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Trọng T và Bà Nguyễn Thuý N đăng ký kết hôn năm 2011 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn đôi bên chung sống với nhau tại thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống giữa đôi bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hoà hợp được với nhau, mâu thuẫn ngày càng nhiều dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay Ông Lê Trọng

T thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với Bà Nguyễn Thuý N.

Về con chung: Ông Lê Trọng T xác nhận vợ chồng có 01 con chung Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 14/8/2012. Khi ly hôn ông Tyêu cầu giao con chung cho bà Nđược trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, ông Tkhông yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Trọng T xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án triệu tập hợp lệ Bà Nguyễn Thuý N nhưng đều vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn Ông Lê Trọng T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn Bà Nguyễn Thuý N vắng mặt, không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Lê Trọng T về việc ly hôn đối với bị đơn Bà Nguyễn Thuý N; giao con chung Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 14/8/2012 cho Bà Nguyễn Thuý N được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Lê Trọng T khởi kiện yêu cầu ly hôn với Bà Nguyễn Thuý N, yêu cầu giao con chung cho bà Nđược trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chia tài sản chung nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Bà Nguyễn Thuý N có địa chỉ cư trú tại thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Hội đồng xét xử thấy rằng việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định cho Bà Nguyễn Thuý N

nhưng bà đã có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 99/2011, quyển số 01/2011 do Uỷ ban nhân dân thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 20/9/2011 (Bút lục 01) thì Ông Lê Trọng T và Bà Nguyễn Thuý N có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc tìm hiểu và tiến tới hôn nhân xuất phát trên cơ sở tự nguyện, các bên đều tuân thủ điều kiện về kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa Ông Lê Trọng T và Bà Nguyễn Thuý N là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập Ông Lê Trọng T và Bà Nguyễn Thuý N đến hoà giải, tạo điều kiện để các bên có thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, đến nay nguyên đơn Ông Lê Trọng T vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Bị đơn bà Nguyễn Thúy Nđã được Toà án thông báo về việc ông Tkhởi kiện nhưng bà Nkhông đến Toà án để làm việc theo giấy triệu tập, như vậy bị đơn đã từ chối quyền lợi của bản thân, cố tình vắng mặt gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Bản tự khai ngày 20/6/2023 (Bút lục 20) Bà Nguyễn Thuý N cũng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng chỉ hoà thuận thời gian đầu, đến năm 2023 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể sống chung với nhau được nữa nên trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nđồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự xác định giữa Ông Lê Trọng T và Bà Nguyễn Thuý N có mâu thuẫn xảy ra trên thực tế, xuất phát từ việc đôi bên không có ý thức xây dựng cuộc sống hôn nhân trong thời gian còn chung sống. Cho đến nay mặc dù mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng nhưng đôi bên cũng không có biện pháp cải thiện, bị đơn không thể hiện thiện chí mong muốn quay về đoàn tụ, khiến tình cảm giữa vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân đến nay không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ. Xét thấy cần chấp nhận cho Ông Lê Trọng T được ly hôn với Bà Nguyễn Thuý N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về con chung: Tại phiên toà, ông Txác nhận từ thời điểm sống ly thân thì con chung do Bà Nguyễn Thuý N chăm sóc, hiện tại cháu có sức khoẻ tốt và rất chăm ngoan, theo ông Tthì với điều kiện hiện tại thì bà Ncó thể chăm lo cho nhu cầu sinh hoạt thiết yếu hàng ngày của con chung tốt hơn ông Tnên ông yêu cầu giao con chung cho bà Nđược trực tiếp nuôi dưỡng.

Để đảm bảo cho sự phát triển về mặt tâm sinh lý cũng như phù hợp với nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 14/8/2012 cho Bà Nguyễn Thuý N được trực tiếp nuôi

dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên là phù hợp với Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Các bên không có tranh chấp đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đều xác nhận quá trình chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[4.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bị đơn không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; các Điều 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Lê Trọng T với bị đơn Bà Nguyễn Thuý N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Trọng T được ly hôn Bà Nguyễn Thuý N.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 14/8/2012 cho Bà Nguyễn Thuý N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc Ông Lê Trọng T phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0009450 ngày 29/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ông Lê Trọng T đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bỉnh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND thị trấn D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Bỉnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Hiển **Đinh Hữu Luynh** **Võ Thành Luân**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Hiển **Đinh Hữu Luynh** **Võ Thành Luân**